TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 4 năm 2018
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Quyết

Ông Phạm Thuận

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khánh – Thư ký TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 634/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 634/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ Nh, sinh năm 1992. Địa chỉ: Nguyễn Như Hạnh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Hải Phòng, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án cũng như tranh tụng tại phiên tòa hôm nay của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nh và anh Nguyễn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình ông T tại tổ A phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là ông T không có trách nhiệm với gia đình vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được, từ năm 2012 đến nay bà Nh đã đưa con về nhà

mẹ đẻ của bà sinh sống cho đến nay và cũng từ đó đến vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa.Vào năm 2016 bà Nh đã làm đơn xin ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, sau đó vì con chung và muốn vợ chồng cùng nhau khắc phúc mâu thuẫn để xây dựng gia đình hạnh phúc nên bà đã rút đơn quay trở về đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi quay trở về với nhau mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi mà ngược lại còn trầm trọng hơn. Nay bà Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu Toà án giải quyết cho bà Nh được ly hôn với anh Nguyễn T.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà Nh và anh T có 01 con chung là Nguyễn Lê Thùy L, sinh ngày 16/2/2011. Ly hôn bà Nh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung trưởng thành. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nh không yêu cầu ông T cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh khê đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng đảm bảo theo các Điều: 171, 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

Bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều: 70, 71,72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc bà Lê Thị Mỹ Nh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà Nh được ly hôn với ông T.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Lê Thùy L cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng phí tổn nuôi con là phù hợp với Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:* Ngày 08 tháng 11 năm 2017, bà Lê Thị Mỹ Nh khởi kiện vụ án Hôn nhân và Gia đình, về việc "Ly hôn" đối với ông Nguyễn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Hải Phòng, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng và được Tòa án nhân dân quận Thanh Khê tiếp nhận đơn của bà Nh, ngày 28/11/2017 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp tống đạt các văn bản theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn T lần thứ 2 đến tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tổ tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông T là đúng pháp luật.

[2] Xét v*ề nội dung*: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Nh cho rằng trong quá trình chung sống bà và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, khác nhau về quan điểm sống, không hợp tính tình, thiếu quan tâm đến gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể chung sống được với nhau và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, phần ai đấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Nh được ly hôn với ông T. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa thể hiện: Hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ Nh và ông Nguyễn T là hợp pháp; qúa trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như bà Nh trình bày là có căn cứ và thực tế giữa bà Nh và ông T đã sống ly thân với nhau gần 6 năm nay, phần ai đấy sống không còn quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ông T đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Nh, điều đó chứng tỏ ông T cũng không tha thiết hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân với bà Nh. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của bà Nh và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài, xét yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với Điều 50 và Điều 51 Luật hôn nhân và Gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Nh xác đinh có 01 con chung là Nguyễn Lê Thùy L, sinh ngày 16/2/2011.Ly hôn bà Nh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Xét nguyện vọng của bà Lê Thị Mỹ Nh là chính đáng, vì hiện tại con chung đang được bà Nh chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng vẫn tốt về mọi mặt, xét yêu cầu trên của bà Nh là phù hợp với các Điều: 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nh không yêu cầu ông T cấp dưỡng phí tổn nuôi con, xét yêu cầu trên là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ bà Lê Thị Mỹ Nh phải chịu theo quy định tại Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban thường vụ quốc hộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban thường vụ quốc hội. Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ Nh được ly hôn với ông Nguyễn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Lê Thị Mỹ Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Lê Thùy L, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2011cho đến khi con trưởng thành. Ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ Nh phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Nh đã nộp theo biên lai thu số 007864 ngày 28/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Nh đã nộp đủ án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ.

Nguyễn Hoàng Vũ

TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ, TP.ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 02 năm 2018
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Quết và ông Phạm Thuận
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 586/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 586/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh Tùng, sinh năm 1973. Địa chỉ: 78 Nguyễn Giản Thanh, tổ 89 phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Xuân Thủy, sinh năm 1980. Địa chỉ: 78 Nguyễn Giản Thanh, tổ 89 phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

* Ý kiến ông Nguyễn Thế Quyết:

- Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Thanh Tùng khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị Xuân Thủy (là bị đơn) có hộ khẩu thường trú tại: 78 Nguyễn Giản Thanh, tổ 89 phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Mặc dù đã được Tòa án triệu tập (niêm yết) hợp lệ đến lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – bà Ngô Thị Xuân Thủy vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngô Thị Xuân Thủy.

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1998 ông Trần Thanh Tùng và bà Ngô Thị Xuân Thủy đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông Tùng là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn này kéo dài đến năm 2015 thì bà Ngô Thị Xuân Thủy đã bỏ nhà đi khỏi địa phương đến nay không có tin tức gì. Tại quyết định số 20/2017/QDDS-ST ngày 22/9/2017 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã tuyên bố bà Ngô Thị Xuân Thủy mất tích. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Tùng và bà Thủy đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Thanh Tùng đối với bà Ngô Thị Xuân Thủy.

- Về con chung: Ông Tùng xác định có 02 con chung là Trần Thanh Tâm, sinh ngày: 29/4/1999 và Trần Thanh Trúc, sinh ngày 10/11/2005.

Ly hôn, ông Tùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thanh Trúc. Không yêu cầu bà Thủy đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Trần Thanh Tâm đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến.

Xét nguyện vọng của ông Trần Thanh Tùng là chính đáng, vì bà Ngô Thị Xuân Thủy đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 2015 đến này và cũng không có quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng con chung, hiện tại con chung đang được ông Tùng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Nguyện vọng của cháu Trúc cũng muốn được ở với ba. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông Trần Thanh Tùng là phù hợp với các Điều: 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Thanh Tùng xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Trần Thanh Tùng phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của nguyên đơn ông Trần Thanh Tùng đối với bị đơn bà Ngô Thị Xuân Thủy

- Về quan hệ hôn nhân*:* Cho ông Trần Thanh Tùng được ly hôn với bà Ngô Thị Xuân Thủy.

- Về quan hệ con chung: Giao cho ông Trần Thanh Tùng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thanh Trúc, sinh ngày 10/11/2005. Bà Ngô Thị Xuân Thủy không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông Trần Thanh Tùng xác định không có.

Về nợ chung: Ông Trần Thanh Tùng xác định không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Thanh Tùng phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Tùng đã nộp theo biên lai thu số 007668 ngày 02/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông Tùng đã nộp đủ án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

* Ý kiến của ông Phạm Thuận: Thống nhất với tất cả ý kiến của ông Nguyễn Thế Quyết.

* Ý kiến của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với tất cả ý kiến của hai vị Hội thẩm nhân dân.

Biểu quyết : 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 50 phút, ngày 05 tháng 02 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q.Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

Trần Dân